TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP ĐỨC
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **90** /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 04/9/2020
V/v: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP ĐỨC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông **Nguyễn Tiến Lãnh**;

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

+ Bà **Lê Thị Chính**;

+ Bà **Trần Thị Xuân Hiệp**;

Thư ký phiên toà: Bà **Hoàng Thị Diễm My**; Thư ký Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà **Bùi Thị Hương Giang**, Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2020 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị Tr; Sinh năm: 1966; Có mặt;

- Bị đơn: Ông Trần Văn Nh; Sinh năm 1957; (*Vắng mặt lần thứ hai không có lý do*).

Cùng trú tại: Thôn Trà S, xã Sông T, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 01/6/2020 được bổ sung tại bản khai cũng như tại phiên toà sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Trang trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Văn Nh đăng ký kết hôn vào ngày 27/8/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Phước Tr cũ (*nay là xã Sông Tr*), huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Hôn nhân của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Ông Nh thường hay uống rượu về gây gỗ, đập phá đồ đạc trong nhà, chửi bới, xúc phạm vợ con. Ông Nh không có trách nhiệm, không quan tâm, không chăm sóc gia đình. Nhiều lần ông Nh tự ý bỏ nhà đi. Bà và ông Nh đã ly thân được 16 tháng. Đến nay bà xét thấy tình cảm của bà đối với ông Nhin không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Văn Nh.

- Về con chung: Vợ chồng ông bà có một con chung tên là Trần Văn T, sinh ngày 19/4/2004. Khi ly hôn, bà Trang mong muốn được nhận nuôi con và không yêu cầu ông Nh cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi ly hôn bà Trang không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung, nợ chung.

Theo nội dung biên bản làm việc có trong hồ sơ vụ án, xác định: Ông Trần Văn Nh có hộ khẩu thường trú tại thôn Trà S, xã Sông Tr, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Ông Nhin được tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng ông từ chối ký nhận tất cả các văn bản trên và yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Đức:

+ Về chấp hành pháp luật: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Đối với ông Nh vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt ông Nh.

+ Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tr, xử cho bà Tr được ly hôn với ông Nh; Về con chung: Giao con chung cho bà Tr nuôi dưỡng; về tài sản chung, nợ chung các bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trần Thị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với ông Trần Văn Nh; ông Nh có nơi cư trú tại thôn Trà S, xã Sông Tr, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Căn cứ vào Điều 28 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam.

Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp giấy triệu tập, thông báo, quyết định của Tòa án cho ông Trần Văn Nh nhưng ông Nh từ chối ký nhận các văn bản trên. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự từ chối nhận văn bản tố tụng, có xác nhận của đại diện tổ trưởng theo quy định tại khoản 4 Điều 177 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Nh đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không chấp hành, không ghi bản khai nên Tòa án không thể ghi lời khai và tiến hành hòa giải được. Tại phiên tòa ngày 14/8/2020 ông Nh vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án đã hoãn phiên tòa. Đến nay, ông Nh vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông Nh.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Trần Thị Tr và ông Trần Văn Nh có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phước Tr, huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 16, quyển số 01 ngày 27/8/2001. Hôn nhân của hai ông bà là hoàn toàn tự nguyện, nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Ông Nh thường hay gây sự vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Ông Nh tự ý bỏ nhà đi nhiều lần và hai vợ chồng sống ly thân hơn 16 tháng. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, ông Nh từ chối nhận văn bản tố tụng của Tòa án và yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật, cho thấy không có thiện chí đoàn tụ gia đình. Từ những lý do trên xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Tr, ông Nh không còn, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Tr yêu cầu được ly hôn với ông Nh là có cơ sở, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Tr.

- Về con chung: Vợ chồng ông Nh, bà Tr có một con chung tên là Trần Văn T, sinh ngày 19/4/2004. Từ trước đến nay, bà Tr là người trực tiếp chăm sóc cháu T. Hơn nữa, nguyện vọng của cháu T được ở với mẹ. Ông Nh chỉ yêu cầu giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật. Do đó, việc giao con chung cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn có cơ sở và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình. Bà Tr không có yêu cầu nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào một trong hai vợ chồng yêu cầu giải quyết thì Tòa án sẻ giải quyết theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tr được Tòa án chấp nhận nên bà Tr phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tr đối với ông Trần Văn Nh về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*".

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Trần Thị Tr được ly hôn với ông Trần Văn Nh.

Về con chung: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 19/4/2004 cho bà Trần Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị Tr không yêu cầu ông Trần Văn Nh cấp dưỡng nuôi con chung. Ông Trần Văn Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Trần Thị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm bà Tr đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0005205 ngày 01/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Đức, tỉnh Quảng Nam. Bà Trang đã nộp đủ án phí.

Bà Trần Thị Tr có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Trần Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ./

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Chính Trần Thị Xuân Hiệp Nguyễn Tiến Lãnh